



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1289/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Thanh Phương, Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời mát, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 26/06/2025
- Thời gian phân tích : 26/06/2025 – 11/07/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



GIÁM ĐỐC

THS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhtienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1289/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ

(Mã số mẫu: 250626009_KK01-04)

Vị trí đo	Tiếng ồn* (dBA)	Tổng bụi lơ lửng ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	NO_2 ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	SO_2 ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	CO ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	VOC ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)
KK01	61,9	173	68	< 90	< 16.500	343
KK02	62,8	180	73	< 90	< 16.500	KPH
KK03	59,9	159	61	< 90	< 16.500	390
KK04	60,7	177	70	< 90	< 16.500	493
QCVN 05 : 2023/BTNMT	-	300	200	350	30.000	-
QCVN 26 : 2010/BTNMT (từ 6 giờ đến 21 giờ)	70	-	-	-	-	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04	NIOSH Method 1501

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- KPH: Không phát hiện

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cách cổng Đồng Nơ 500m (Kinh độ: $106^{\circ}36'25.1''$, Vĩ độ: $11^{\circ}29'49.2''$)
- KK02: Khu vực đối diện cổng FVI-II công ty Long FA (Kinh độ: $106^{\circ}36'25.1''$, Vĩ độ: $11^{\circ}29'14.2''$)
- KK03: Khu vực cổng chính công ty cổ phần gỗ VRG DongWha (Kinh độ: $106^{\circ}36'17.9''$, Vĩ độ: $11^{\circ}28'59.7''$)
- KK04: Khu vực hệ thống xử lý tập trung KCN Minh Hưng III (Kinh độ: $106^{\circ}36'23.2''$, Vĩ độ: $11^{\circ}27'58.3''$)

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/01**

NBH: **02/05/2019**

Trang: **2/2**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1301/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Nguyễn Thanh Phương, Lê Minh Tân, Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời mát, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 27/06/2025
- Thời gian phân tích : 27/06/2025 – 04/07/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1301/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ÒN VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ

(Mã số mẫu: 250627005_KK01-04)

Vị trí đo	Tiếng ồn* (dBA)	Tổng bụi lơ lửng ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	NO_2 ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	SO_2 ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	CO ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)	VOC ($\mu\text{g}/\text{Nm}^3$)
KK01	56,1	168	72	< 90	< 16.500	KPH
KK02	67,5	163	66	< 90	< 16.500	KPH
KK03	63,5	175	77	< 90	< 16.500	KPH
KK04	68,8	172	74	< 90	< 16.500	KPH
QCVN 05 : 2023/BTNMT	-	300	200	350	30.000	-
QCVN 26 : 2010/BTNMT (từ 6 giờ đến 21 giờ)	70	-	-	-	-	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04	NIOSH Method 1501

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- KPH: Không phát hiện

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực trước công ty TNHH Tân Hỷ (Kinh độ: $106^{\circ}36'25.1''$, Vĩ độ: $11^{\circ}29'33.9''$)
- KK02: Khu vực trước cổng phụ công ty cổ phần VRG DongWha (Kinh độ: $106^{\circ}36'24.4''$, Vĩ độ: $11^{\circ}28'31.7''$)
- KK03: Khu vực trước công ty Marshell Việt Nam (Kinh độ: $106^{\circ}36'24.9''$, Vĩ độ: $11^{\circ}28'17.3''$)
- KK04: Khu vực cách cổng KCN Minh Hưng III 500m (Kinh độ: $106^{\circ}36'45.0''$, Vĩ độ: $11^{\circ}28'58.4''$)

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/01**

NBH: **02/05/2019**

Trang: 2/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1293/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Thanh Phương, Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời mát, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 26/06/2025
- Thời gian phân tích : 26/06/2025 – 11/07/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 1/2

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1293/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM
(Mã số mẫu: 250626009_NN01-03)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 09: 2023/BTNMT	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NN01	NN02	NN03		
1	pH	-	6,64	6,67	6,71	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) *	mg/L	< 15	< 15	63	500	SMEWW 2340C:2023
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	14	9	148	1.500	HD.TN.231
4	Amoni (N_NH ₄ ⁺) *	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	1	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2023
5	Nitrit (N_NO ₂ ⁻) *	mg/L	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	1	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ .B:2023
6	Nitrat (N_NO ₃ ⁻) *	mg/L	0,62	0,51	0,76	15	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2023
7	Sắt (Fe) *	mg/L	KPH (MDL=0,09)	KPH (MDL=0,09)	< 0,27	5	SMEWW 3500- Fe.B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11:2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm giếng khoan số 1 của KCN (Kinh độ: 106°36'15.9'', Vĩ độ: 11°29'1.2'')
- NN02: Nước ngầm giếng khoan số 2 của KCN (Kinh độ: 106°36'30.7'', Vĩ độ: 11°29'0.6'')
- NN03: Nước ngầm hộ dân ngoài KCN (hộ Trần Khắc Chung) (Kinh độ: 106°36'4.5'', Vĩ độ: 11°27'55.5'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 2/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1292/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Thanh Phương, Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời mát, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 26/06/2025
- Thời gian phân tích : 26/06/2025 – 11/07/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA

GIÁM ĐỐC



THS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1292/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

(Mã số mẫu: 250626009_NM01-03)



TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp đo đặc, phân tích
			NM01	NM02	NM03	
1	pH	-	7,16	6,84	6,94	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	7	6	7	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/L	14	11	13	SMEWW 5220C:2023
4	BOD ₅	mg/L	4	3	4	TCVN 6001-2:2021
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	< 0,09	< 0,09	< 0,09	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
6	Tổng phospho	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	SMEWW 4500-P. B&D:2023
7	Tổng Nito	mg/L	KPH (MDL=0,1)	KPH (MDL=0,1)	KPH (MDL=0,1)	SMEWW 4500-N.C:2023
8	Sắt (Fe)	mg/L	< 0,27	< 0,27	< 0,27	SMEWW 3500-Fe.B:2023
9	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	KPH (MDL=0,5)	SMEWW 5520B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Ao hồ TCVN 6663-4:2018 ☒ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM01: Nước mặt tại cầu suối Bưng Dục (Kinh độ: 106°36'5.8'', Vĩ độ: 11°27'57.0'')
- NM02: Nước mặt cách cầu suối Bưng Dục 200m về phía hạ nguồn (Kinh độ: 106°36'5.4'', Vĩ độ: 11°27'55.3'')
- NM03: Nước mặt cách cầu suối Bưng Dục 200m về phía thượng nguồn (Kinh độ: 106°36'6.1'', Vĩ độ: 11°27'59.0'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **2/2**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1302/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Nguyễn Thanh Phương, Lê Minh Tân, Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời mát, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 27/06/2025
- Thời gian phân tích : 27/06/2025 – 04/07/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: 1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhtienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1302/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT

(Mã số mẫu: 250627005_DD01-03)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03 : 2023/BTNMT – Loại	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01	DD02	DD03		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,08)	KPH (MDL=0,08)	KPH (MDL=0,08)	200	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7010
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=14,9)	KPH (MDL=14,9)	KPH (MDL=14,9)	700	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,07)	KPH (MDL=0,07)	KPH (MDL=0,07)	60	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7010
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	16,4	17,4	18,4	2.000	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	24,7	25,6	30,3	2.000	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B
6	Crom (Cr)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=11,0)	KPH (MDL=11,0)	250	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:

- ☒ Đất TCVN 7538-2:2005; TCVN 7538-3:2005; TCVN 7538-1:2006; TCVN 7538-4:2007;
TCVN 7538-5:2007

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- DD01: Đất trước công ty TNHH Tân Hỷ (Kinh độ: 106°36'25.1'', Vĩ độ: 11°29'34.1'')
- DD02: Đất trước công ty S&K (Kinh độ: 106°36'24.5'', Vĩ độ: 11°28'17.1'')
- DD03: Đất trong trạm xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III (Kinh độ: 106°36'20.2'', Vĩ độ: 11°27'56.6'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/01**

NBH: **02/05/2019**

Trang: 2/2



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1291/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Thanh Phương, Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời mát, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 26/06/2025
- Thời gian phân tích : 26/06/2025 – 11/07/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA



GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1291/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH Bùn Thải

(Mã số mẫu: 250626009_BT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đạc, phân tích
			BT01		
1	pH	-	6,09	Trong khoảng 2,0 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Asen (As)	mg/Kg	KPH (MDL=0,28)	11,8	US EPA Method 3050B & US EPA Method 7010
3	Bari (Ba)	mg/Kg	KPH (MDL=130)	592,1	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Cadimi (Cd)	mg/Kg	KPH (MDL=0,24)	2,96	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
5	Bạc (Ag)	mg/Kg	KPH (MDL=7,4)	29,6	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
6	Chì (Pb)	mg/Kg	KPH (MDL=43,3)	88,8	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Coban (Co)	mg/Kg	KPH (MDL=6,6)	473,7	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
8	Kẽm (Zn)	mg/Kg	461,9	1.480	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
9	Niken (Ni)	mg/Kg	KPH (MDL=42)	414,5	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
10	Selen (Se)	mg/Kg	KPH (MDL=0,55)	5,92	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
11	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	KPH (MDL=0,05)	1,18	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7470 A
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/Kg	KPH (MDL=6,0)	29,6	US EPA Method 3060 A + US EPA Method 7196 A
13	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/kg	KPH (MDL=2,8)	174,7	US EPA Method 9010C & US EPA Method 9013A & US EPA Method 9014
14	Tổng dầu	mg/Kg	KPH (MDL=23)	296,0	US EPA Method 9071 B
15	Phenol (C ₆ H ₅ OH) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=10)	5.921	US EPA 3540C + US EPA 3650B + US EPA 8041A
16	Benzen (C ₆ H ₆) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	2,96	US EPA 5021 A

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1291/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đặc, phân tích
			BT01		
17	Clobenzen (C ₆ H ₅ Cl) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	414,5	US EPA 5021 A
18	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	5.921	US EPA 5021 A
19	Naptalen (C ₁₀ H ₈) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	296,0	US EPA 5021 A

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vimcerts 078)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý

Giá trị hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}, ppm) được tính bằng công thức sau

$$H_{tc} = \frac{H \times (1 + 19 \times T)}{20}$$

Trong đó:

H (ppm) là giá trị hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong bảng 1

T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải, ứng với T = 0,259

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

Phương pháp lấy mẫu:☒ Bùn TCVN 6663-13 : 2015☒ Bảo quản xử lý mẫu bùn TCVN 6663-15 : 2004

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- BT01: Bùn thải tại trạm xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III (Kinh độ: 106°36'21.8'',
Vĩ độ: 11°27'57.8'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1290/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Lê Minh Tân, Nguyễn Thanh Phương, Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời mát, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 26/06/2025
- Thời gian phân tích : 26/06/2025 – 11/07/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1290/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

(Mã số mẫu: 250626009_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1	Độ màu *	Pt-Co	64	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	pH	-	6,98	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS *	mg/L	36	100	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	231	150	SMEWW 5220C:2023
5	BOD ₅ *	mg/L	132	50	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) *	mg/L	3,6	10	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ *	mg/L	17,3	20	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho *	mg/L	2,32	4	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Kẽm (Zn) *	mg/L	KPH (MDL=0,036)	3	SMEWW 3111B:2023
10	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,1	SMEWW 3113B:2023
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01	TCVN 7877:2008
12	Tổng dầu mỡ [#]	mg/L	KPH (MDL=1,0)	-	SMEWW 5520B:2017
13	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	38 x 10 ²	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Viện môi trường và Tài nguyên – Vimcerts 138)
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/4



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1290/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

- NT01: Nước thải trước xử lý (Kinh độ: 106°36'22.9'', Vĩ độ: 11°27'57.8'')

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 250626009_NT02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, C _{max} =C _x K _{qx} K _f Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
1	Độ màu *	Pt-Co	< 30	50	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	TDS	mg/L	644	-	HD.TN.236
3	TSS	mg/L	8	40,5	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	48	60,75	SMEWW 5220C:2023
5	BOD ₅ *	mg/L	16	24,3	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) *	mg/L	0,88	4,05	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2023
7	Tổng Nito *	mg/L	12,3	16,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho *	mg/L	0,76	3,24	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (MDL=0,25)	0,81	TCVN 6225 – 3 : 2011 (ISO 7393-3:1990)
10	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
11	Sắt (Fe)	mg/L	0,65	0,81	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
12	Đồng (Cu) *	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,62	SMEWW 3111 B:2023
13	Kẽm (Zn) *	mg/L	KPH (MDL=0,036)	2,43	SMEWW 3111B:2023
14	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,405	SMEWW 3111B:2023
15	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,0405	SMEWW 3113B:2023
16	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405	TCVN 7877:2008

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/4

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1290/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, C _{max} =C _x K _{qx} K _f Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
17	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	0,081	SMEWW 3113B:2023
18	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,0405	SMEWW 3113B:2023
19	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,162	SMEWW 3113B:2023
20	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567	SMEWW 4500 CN ⁻ . C&E:2023
21	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (MDL=0,1)	-	TCVN 6622-1:2009
22	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
23	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH (MDL=0,5)	-	SMEWW 5520B&F:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	17 x 10 ²	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; K_q = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m³/s
K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ; K_f = 0,9 ứng với F > 5.000 m³/24h
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999: 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3: 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT02: Nước thải sau xử lý (Kinh độ: 106°36'19.8'', Vĩ độ: 11°27'56.0'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 4/4